

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 287 /NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 02 năm 2025

V/v báo giá cung cấp dịch vụ Hiệu chuẩn, kiểm định
bộ giám sát phát thải và đo lưu lượng nước (lần 2)

Kính gửi: Quý Công ty, các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang có nhu cầu lựa chọn nhà thầu để thực hiện **Gói cung cấp: Hiệu chuẩn, kiểm định bộ giám sát phát thải và đo lưu lượng nước**. Để có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu tuân thủ theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá dịch vụ theo Phụ lục đính kèm..

- Địa điểm thực hiện: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn, phường Bình Khê, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn, phường Bình Khê, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Hải Quân - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0398.972.888).

- Thời gian báo giá: Chậm nhất ngày 11/02/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Kèm theo Văn bản số 287 /NĐĐT-KHVT ngày 04 / 02/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Thông số/đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Thiết bị giám sát khí thải							
1	Bộ giám sát khí thải Ultramat 23	Kiểm định định kỳ phương tiện đo SO ₂	SO ₂ : (0 ÷ 2500) vpm;	Thiết bị	2			
		Kiểm định định kỳ phương tiện đo NO _x	NO _x : (0 ÷ 2500) vpm;	Thiết bị	2			
		Kiểm định định kỳ phương tiện đo CO	CO: (0 ÷ 2500) vpm;	Thiết bị	2			
		Hiệu chuẩn định kỳ phương tiện đo O ₂	O ₂ : (0 ÷ 25) %	Thiết bị	2			
		Hiệu chuẩn thiết bị đo áp lực	-4 ÷ 4 kPa	Thiết bị	2			
		Hiệu chuẩn thiết bị đo nồng độ bụi	0÷500 mg/m ³	Thiết bị	2			
		Hiệu chuẩn thiết bị đo lưu lượng		Thiết bị	2			
		Hiệu chuẩn phương tiện đo nhiệt độ	(0 ÷ 300) độ C	Thiết bị	2			
II	Thiết bị giám sát nước thải							
1	Bộ giám sát nước thải Hach, SC1000	Hiệu chuẩn, kiểm định phương tiện đo pH	(-2 ÷ 14) pH	Đầu đo	1			
		Hiệu chuẩn phương tiện đo nhiệt độ	(0 ÷ 80) độ C	Đầu đo	1			

STT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Thông số/đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Kiểm định phương tiện đo Amoni	(0 ÷ 1000) mg/l	Thiết bị	1			
2	Bộ đo lưu lượng nước	Hiệu chuẩn phương tiện đo lưu lượng nước	Hach, SC200	Thiết bị	01			
3	Bộ giám sát nước thải Endress Hauser CM 442	Kiểm định phương tiện đo COD	(0 ÷ 370) mg/l	Thiết bị	01			
		Kiểm định phương tiện đo TSS	(0 ÷ 4000) mg/l	Thiết bị	01			
III	Thiết bị đo lưu lượng							
1	Đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	Hiệu chuẩn đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	- DN 600 - Endress Hauser Promang 10	Thiết bị	1			
2	Đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	Hiệu chuẩn đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	- DN 150 - Endress Hauser Promang 10	Thiết bị	2			
IV	Hệ thống xử lý nước lò 2							
1	Thiết bị đo độ dẫn SC	Hiệu chuẩn thiết bị đo độ dẫn SC	Rosemount 1056	Thiết bị	1			
2	Thiết bị đo độ dẫn SC	Hiệu chuẩn thiết bị đo độ dẫn SC	Yokogawa FLXA402	Thiết bị	1			
3	Thiết bị đo độ dẫn CC	Hiệu chuẩn thiết bị đo độ dẫn CC	Yokogawa FLXA402	Thiết bị	2			
4	Thiết bị đo độ dẫn CC	Hiệu chuẩn thiết bị đo độ dẫn CC	Yokogawa FLXA402	Thiết bị	2			
5	Thiết bị đo pH	Hiệu chuẩn thiết bị đo pH	Yokogawa FLXA402	Thiết bị	2			
6	Thiết bị đo O2	Hiệu chuẩn thiết bị đo O2	Yokogawa FLXA402	Thiết bị	1			

STT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Thông số/đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
7	Thiết bị đo N ₂ H ₄	Hiệu chuẩn thiết bị đo N ₂ H ₄	Yokogawa Hydrazine Analyzer WE430-S-N-AA-N-E	Thiết bị	1			
8	Thiết bị đo SiO ₂	Hiệu chuẩn thiết bị đo SiO ₂	Yokogawa Silica Analyzer WE410-S-N-AA-N-E	Thiết bị	1			
V	Hệ thống xử lý nước khử khoáng dãy 2							
1	Thiết bị đo Na ⁺	Hiệu chuẩn thiết bị đo Na ⁺	Yokogawa Sodium Analyzer WE420-S-N-AA-N-E	Thiết bị	1			
2	Thiết bị đo SiO ₂	Hiệu chuẩn thiết bị đo SiO ₂	Yokogawa Silica Analyzer WE410-S-N-AA-N-E	Thiết bị	2			
Tổng								
Thuế GTGT 10%								
Tổng cộng								
Bằng chữ:								